TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/HS-ST
Ngày: 03/11/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Như Thủy;

Ông Nguyễn Hòa Bình

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương Thúy - Thư ký Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2021/HSST ngày 03 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2021/QĐXXST-HS ngày 12/10/2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Ngọc N, sinh năm: 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 502/55/27 đường A, khu phố B, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; con ông Trần Ngọc A và bà Đào Kim T; bị cáo có vợ (không đăng ký kết hôn) và 01 con, sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số: 1115/2005/HSST ngày 28/7/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 06 tháng tù về tội "Không tố giác tội phạm"; bản án số: 135/2006/HSST ngày 15/02/2006 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản"; bản án số: 75/2006/HSST ngày 08/11/2006 của Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; bản án số 45/2012/HSST ngày 12/4/2012 của Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản"; Quyết định số 268/QĐ-TA ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận 4 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng; bị bắt tạm giam từ ngày 20/02/2021 - Có mặt.

2. Họ và tên: Đỗ Thị Minh T, sinh năm: 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nữ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 601/15A đường D, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Đỗ Văn S và bà Phạm Thị H; bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 20/02/2021 - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1962; Địa chỉ: 502/55/27 đường A, Khu phố B, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

2. Ông Hồ Văn Q (Đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Văn Q: Bà Hồ Thị Bạch H, sinh năm 1956; địa chỉ: 396/1B đường G, Phường H, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc N, Đỗ Thị Minh T là các đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 22 giờ ngày 19/02/2021, N điều khiển xe máy biển số 53R5-8756 đến gầm cầu Phú Mỹ, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy của 01 thanh niên tên T (không rõ lai lịch) với giá 500.000 đồng. Mua xong, N điện thoại rủ T đi thuê phòng trọ để cùng nhau sử dụng ma túy, T đồng ý. Sau đó, N đến nhà chở T, khi cả hai đến trước số 207 Trần Xuân Soạn, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Công an Quận 7 nghi vấn kiểm tra. Lúc này, N lấy ma túy trong túi quần ra đưa T giữ, để vứt đi, T chưa kịp vứt thì bị Công an Quận 7 phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ trong lòng bàn tay phải của T 01 gói nylon bên trong có 04 gói nylon chứa tinh thể không màu, là ma túy. Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Trần Ngọc N, Đỗ Thị Minh T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) gói niêm phong ma túy, thu giữ của Đỗ Thị Minh T. Kết luận giám định số: 1295/KLGĐ-H ngày 26/02/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0.5909g (không phẩy năm chín không chín gam), loại Methamphetamine.

- Thu giữ của Trần Ngọc N:

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, Nam sử dụng để liên lạc mua ma túy.

+ 01 xe máy hiệu Honda Dream, biển số 53R5-8756, là phương tiện N sử dụng đi mua ma túy. Xe do ông Hồ Văn Q đứng tên chủ sở hữu, qua xác minh ông Q đã chết vào tháng 11 năm 2013, ông Q không có vợ vợ con. Bà Hồ Thị Bạch H (là em ruột của ông Hồ Văn Q) khai bà không biết rõ về nguồn gốc của chiếc xe, bà cũng không có yêu cầu gì về chiếc xe trên. Ông Trần Ngọc A (là cha của bị cáo N) khai, chiếc xe trên ông mua lại bằng giấy tờ tay (đã thất lạc), ông không nhớ mua vào năm nào, nhân thân lai lịch của người bán xe cho ông, bị cáo N mượn xe của ông làm phương tiện đi lại, việc bị cáo N sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy ông không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã đăng báo tìm chủ sở hữu.

Bản cáo trạng số: 64/CT-VKSQ7 ngày 31/5/2021 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố các bị cáo Trần Ngọc N và Đỗ Thị Minh T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm c khoản 1 Điều 249; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc N từ 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (Hai) năm tù.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Minh T từ 01 (Một) năm tù đến 01 (Một) 06 (Sáu) tháng tù.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Các bị cáo Trần Ngọc N và Đỗ Thị Minh T đều là đối tượng nghiện ma túy. Vào khoảng 22 giờ ngày 19/02/2021, bị cáo N điều khiển xe máy biển số 53R5-8756 đến gầm cầu Phú Mỹ, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy của 01 thanh niên tên T (không rõ lai lịch) với giá 500.000 đồng. Mua xong, N điện thoại rủ T đi thuê phòng trọ để cùng nhau sử dụng ma túy, T đồng ý. Sau đó, N đến nhà chở T, khi cả hai đến trước số 207 Trần Xuân Soạn, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Công an Quận 7 nghi vấn kiểm tra. Lúc này, N lấy ma túy trong túi quần ra đưa T giữ, để vứt đi, T chưa kịp vứt thì bị Công an Quận 7 phát hiện, bắt quả tang.

Căn cứ Kết luận giám định số: 1295/KLGĐ-H ngày 26/02/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh kết luận: "Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0.5909g (không phẩy năm chín không chín gam), loại Methamphetamine". Do vậy, hành vi này của các bị cáo đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý và nguy hiểm, vì tội phạm về ma túy gây tác hại lớn cho con người và xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên cần có mức án nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo N không có tiền án tiền sự, tuy nhiên có nhân thân xấu: Bản án số: 1115/2005/HSST ngày 28/7/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 06 tháng tù về tội "Không tố giác tội phạm"; bản án số: 135/2006/HSST ngày 15/02/2006 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản"; bản án số: 75/2006/HSST ngày 08/11/2006 của Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; bản án số 45/2012/HSST ngày 12/4/2012 của Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 05 năm tù về tội "Cướp giật tài sản"; Quyết định số 268/QĐ-TA ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận 4 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng.

Bị cáo T không có tiền án, tiền sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xử lý vật chứng:

- 01 gói niêm phong ma túy có chữ ký của Đỗ Thị Minh T, đây là chất Nhà Nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu vàng của bị cáo N, bị cáo sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 chiếc xe gắn máy biển số 53 R5-8756; Loại xe: Hai bánh từ 50-175 cm3, nhãn hiệu: DRIN, số loại: DR100-1, màu sơn: Nâu, số máy: LC150FMG01559345, số khung: DR10001021551. Chiếc xe trên do ông Hồ Văn Q đứng tên chủ sở hữu, qua xác minh ông Hồ Văn Q đã chết vào tháng 11 năm 2013, ông Q không có vợ con. Bà Hồ Thị Bạch H (là em ruột của ông Hồ Văn Q) khai bà không biết rõ về nguồn gốc của chiếc xe, bà cũng không có yêu cầu gì về chiếc xe trên. Ông Trần Ngọc A (là cha của bị cáo N) khai, chiếc xe trên ông mua lại bằng giấy tờ tay (đã thất lạc), ông không nhớ mua vào năm nào, nhân thân lai lịch của người bán xe cho ông, bị cáo N mượn xe của ông làm phương tiện đi lại, việc bị cáo N sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy ông không biết. Hội đồng xét xử, xét thấy chiếc xe trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do đó cần tiếp tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn nhất định để tìm người quản lý hợp pháp của xe. Hết thời hạn thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì trả lại xe cho ông Trần Ngọc A.

[5] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc N và Đỗ Thị Minh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo Trần Ngọc N 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2021.

Bị cáo Đỗ Thị Minh T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/02/2021.

2. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

2.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) gói niêm phong ma túy có chữ ký của Đỗ Thị Minh Thảo

2.2. Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia 6300, màu vàng (Cũ không kiểm tra chi tiết máy bên trong).

2.3. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày để tìm người quản lý hợp pháp 01 chiếc xe gắn máy biển số: 53 R5-8756; Loại xe: Hai bánh từ 50-175 cm3, nhãn hiệu: DRIN, số loại: DR100-1, màu sơn: Nâu, số máy: LC150FMG01559345, số khung: DR10001021551. Trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà tìm được người quản lý hợp pháp thì trả lại xe. Hết thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì trả lại xe cho ông Trần Ngọc A.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 88 ngày 26/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7)

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Đào Lê Anh

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (Phương Thúy)